

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH
Dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật
cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp quy định: “1. Mạng lưới tư vấn viên pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 3, Điều 9 của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố công khai để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí, thu hút nguồn lực để xây dựng, quản lý, sử dụng hiệu quả mạng lưới tư vấn viên pháp luật trên địa bàn; bố trí kinh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật; trình tự, thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái nguyên.	Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP: “3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật”.
	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 5 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp nhỏ và vừa . 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái nguyên.	
	Điều 3. Trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn	

<i>phí và cử đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.</i> <i>2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trên Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp.</i> <i>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật. Trường hợp bố trí được nguồn ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định áp dụng mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cao hơn để khuyến khích, thu hút tư vấn viên pháp luật và hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.”</i>	viên pháp luật của tỉnh thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ. 2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc bằng dịch vụ bưu chính qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. 3. Thành phần hồ sơ: a) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; b) Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c) Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nêu rõ nội dung tư vấn, phí dịch vụ tư vấn. 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định và trình UBND tỉnh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật. Trường hợp không đồng ý hỗ trợ chi phí thì phải nêu rõ lý do. 5. Hồ sơ trình UBND tỉnh: a) Tờ trình đề nghị UBND tỉnh; b) Dự thảo văn bản của UBND tỉnh về việc đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật; c) Các hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này.	xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Về hồ sơ trình UBND tỉnh: bao gồm tờ trình, dự thảo văn bản của UBND tỉnh, đây là các văn bản thực sự cần thiết cho việc giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước. - Về cách thức thực hiện: + Đối với việc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dự thảo kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP. + Đối với việc gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia nhằm mục đích cải cách hành chính, giúp giảm thời gian, chi phí đi lại cho doanh nghiệp; tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ công chức được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. - Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính được quy định bảo đảm tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp và phù hợp với khả năng của cơ quan giải
---	---	---

		quyết thủ tục hành chính.
	Điều 4. Trình tự, thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 1. Trường hợp được UBND tỉnh đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và sau khi có văn bản tư vấn pháp luật của tư vấn viên pháp luật thì doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật vụ việc, vướng mắc được hỗ trợ. 2. Phương thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc bằng dịch vụ bưu chính qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. 3. Hồ sơ đề nghị thanh toán: a) Văn bản tư vấn pháp luật: Bao gồm 01 bản đầy đủ và 01 bản đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp. b) Văn bản đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật có xác nhận của tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp nhỏ và vừa được tư vấn, trong đó có viện dẫn số và ngày của văn bản đồng ý của UBND tỉnh, tên người thụ hưởng và số tài khoản, ngân hàng của người thụ hưởng. c) Hóa đơn tài chính theo quy định của pháp luật. 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thanh toán. Trường hợp nội dung văn bản tư vấn pháp luật không thuộc phạm vi tư vấn theo hợp đồng dịch vụ tư	- Về thành phần hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật doanh nghiệp nhỏ và vừa tại dự thảo được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP. - Về hồ sơ trình UBND tỉnh: bao gồm tờ trình, dự thảo văn bản của UBND tỉnh, đây là các văn bản thực sự cần thiết cho việc giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước. - Về cách thức thực hiện: + Đối với việc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dự thảo kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP. + Đối với việc gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia nhằm mục đích cải cách hành chính, giúp giảm thời gian, chi phí đi lại cho doanh nghiệp; tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ công chức được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. - Về thời hạn giải quyết thủ tục hành

	vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Quyết định này thì UBND tỉnh từ chối thanh toán chi phí và có văn bản thông báo với doanh nghiệp và tư vấn viên pháp luật. 5. Hồ sơ trình UBND tỉnh: a) Tờ trình đề nghị UBND tỉnh; b) Dự thảo văn bản của UBND tỉnh về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận thanh toán chi phí hỗ trợ. c) Các hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này. 6. Sau khi có văn bản chấp thuận thanh toán của UBND tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể ngày nhận được văn bản chấp thuận về việc thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, Sở Tư pháp thực hiện chi trả cho doanh nghiệp đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.	chính được quy định bảo đảm tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.
	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp Chủ trì, hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Lập dự toán kinh phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.	Đảm bảo phù hợp với các quy định sau: khoản 1 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP quy định: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí, thu hút nguồn lực để xây dựng, quản lý, sử dụng hiệu quả mạng lưới tư vấn viên pháp luật trên địa bàn; bố trí kinh phí và cử đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.</i>”; khoản 1 Điều 15 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định: “<i>Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm đầu mối thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp</i>”

	<i>nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này”.</i>
2. Trách nhiệm của Sở Tài chính Bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng quy định pháp luật hiện hành về quản lý tài chính - ngân sách.	Bảo đảm phù hợp với khoản 2 Điều 15 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP: “2. <i>Kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa <u>do ngân sách nhà nước đảm bảo</u>, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</i>”
3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã Cung cấp thông tin liên quan, phối hợp với Sở Tư pháp trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi có yêu cầu.	Bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.
Điều 6. Điều khoản thi hành Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2025. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật <i>1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật</i>

		<i>được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.”</i> Đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP về quy định chuyển tiếp, hiệu lực thi hành, quy định chi tiết: “<i>Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành</i>”.
--	--	---